

Tuần Giáo, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

Số: 47/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị C; sinh năm: 1971; địa chỉ: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ **Bị đơn:** Anh Lương Văn H; sinh năm: 1974; địa chỉ: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lò Văn S; sinh năm: 1923; địa chỉ: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Bà Quàng Thị T; sinh năm: 1932; địa chỉ: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Lò Văn S và bà Quàng Thị T: Ông Lò Văn D, sinh năm: 1963; địa chỉ: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị C và anh Lương Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Lương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì các con Lương Thị H, sinh ngày 08/8/1992 và Lương Văn D, sinh ngày 22/7/1994 đã trưởng thành.

2.2. Tài sản chung: Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ chị Lò Thị C, anh Lương Văn H đã thống nhất số lượng tài sản và tổng cộng giá trị tài sản chung là: 1.535.600.000đ (*một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*). Chị Lò Thị C, anh Lương Văn H, ông Lò Văn D người đại diện theo ủy quyền của ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T thoả thuận chia tài sản chung và tài sản riêng chia như sau:

2.2.1. Chia cho chị Lò Thị C những tài sản sau (gồm tài sản chung của vợ chồng và phần diện tích đất ở ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T đồng ý cho chị C):

- 01 đôi lục bình, trị giá: 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).
- 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ đinh hương gồm có 01 ghế băng dài, 03 ghế tựa, 03 ghế đơn, trị giá: 20.000.000đ (*hai triệu đồng*).
- 01 tủ đứng 2 buồng gỗ dổi, trị giá: 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).
- 01 tủ 3 buồng gỗ dổi, trị giá: 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).
- 01 kệ gỗ Pơ mu, trị giá: 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).
- 01 tủ lạnh loại shap dung tích 339 lít, trị giá: 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).
- 02 bộ bàn ghế gỗ (một bộ bằng mắt nghiêng, 01 bộ bằng gỗ dổi, mỗi bộ gồm có 6 ghế), trị giá: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).
- 05 cột nhà + 07 khúc gỗ dổi (hiện đang để nhờ ở nhà anh Lương Văn Lả là em chồng chị C), trị giá: 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).
- 01 ti vi Sony 42 inch, trị giá: 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).
- 01 giường đôi gỗ Pơ mu, trị giá: 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*).
- 01 sập gỗ Pơ mu dày 7cm, chiều rộng 80 cm, chiều dài 2 mét, trị giá: 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).
- 07 quạt (quạt treo tường 04 cái, quạt cây 01 cái, quạt hộp trên giường ngủ 02), trị giá: 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).
- 01 máy lọc nước, trị giá: 1.000.000đ (*một triệu đồng*).
- 01 bình nóng lạnh dung tích 15 lít, trị giá: 1.000.000đ (*một triệu đồng*).
- 02 hình củ tỏi bằng gỗ dùng trang trí, trị giá: 1.400.000đ (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*).
- 04 đôi lục bình nhỏ, trị giá: 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).
- 01 tủ nhôm kính đựng chăn đệm, trị giá: 1.000.000đ (*một triệu đồng*).
- 03 bàn dùng để ăn cơm (01 bàn hình chữ nhật, 02 bàn hình tròn), trị giá: 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).
- 01 nẹp nhà sàn 05 gian, làm bằng gỗ Thò Lộ cột tròn, lợp ngói đỏ loại ngói Hạ Long, trị giá: 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*).
- Bếp và công trình vệ sinh xây dựng cấp IV, trị giá: 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*).

- Tạm giao cho chị Lò Thị C sử dụng diện tích đất là: 231.61 m², trên đất có nhà sàn gỗ, bếp và khu vệ sinh xây cấp IV, xung quanh đất ở đã xây tường. Trong đó gồm có diện tích đất ở của ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T đồng ý cho chị Lò

Thị C, hiện đang làm nhà ở và diện tích đất ở chị Lò Thị C, anh Lương Văn H mua thêm khi làm nhà ở, cụ thể như sau.

+ Diện tích đất ở ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T cho chị Lò Thị C làm nhà ở (có dạng hình đa giác) giáp Quốc lộ 6, thuộc địa phận bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đo thực tế tại thực địa có diện tích là 189,7 m², tứ cận: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Quàng Văn C và phần đất chị C, anh H mua thêm dài 20,64m; phía Nam giáp đất gia đình ông Lò Văn H dài 9,91m; phía Đông giáp đất gia đình bà Lò Thị T dài 15,75m; phía Tây giáp đất hành lang giao thông Quốc lộ 6 dài 15,69m.

+ Diện tích đất ở chị Lò Thị C, anh Lương Văn H mua thêm khi làm nhà ở (có dạng hình thoi) giáp Quốc lộ 6, thuộc địa phận bản N, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Đo thực tế tại thực địa có diện tích là 41,91 m², tứ cận: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Quàng Văn C dài 12m; phía Nam giáp đất gia đình ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T cho mượn dài 12m; phía Đông giáp đất gia đình ông Lò Văn S, bà Quàng Thị T cho mượn dài 3,5m; phía Tây giáp đất hành lang giao thông Quốc lộ 6 dài 3,5m, trị giá: 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

(Có Sơ đồ hiện trạng thửa đất đang có nhà ở, đo ngày 29/6/2018 kèm theo).

- Đất ruộng: Diện tích 230 m² thửa số 407^b; diện tích 253 m² thửa số 505^a và diện tích 114 m² thửa số 504 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359/QSĐĐ tháng 11/1995 của UBND huyện T cấp cho hộ gia đình ông Lương Văn H, trị giá: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

=> Tổng giá trị tài sản chia cho chị C là: 717.400.000đ (bảy trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chị Lò Thị C có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đối với diện tích đất được tạm giao.

2.2.1. Chia cho anh Lương Văn H những tài sản sau (gồm tài sản chung của vợ chồng và tài sản anh H mua riêng):

- 01 máy rửa xe, trị giá: 1.000.000đ (một triệu đồng).
- 13 mắt nghiền, trị giá: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).
- 01 giường đôi gỗ Pơ mu, trị giá: 7.000.000đ (bảy triệu đồng).
- 01 tủ đá ngang nhãn hiệu Sanaky, trị giá: 1.000.000đ (một triệu đồng).
- 01 hình củ tỏi bằng gỗ dùng trang trí, trị giá: 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).
- 01 kết sắt nhãn hiệu Việt đức, trị giá: 1.000.000đ (một triệu đồng).
- 01 sừng hươu dài, trị giá: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).
- 01 tấm gỗ đình hương hình chữ nhật dày 06 cm, rộng 60cm, dài 1,15 mét, trị giá: 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Tạm giao cho anh Lương Văn H sử dụng diện tích đất là: 308.64 m², trên đất có một nhà tạm đang dựng rơm và nhốt trâu, bò. Trong đó gồm có diện tích đất chị Lò Thị C, anh Lương Văn H mua chung và diện tích đất anh Lương Văn H mua riêng, cụ thể như sau.

+ Diện tích đất chị Lò Thị C, anh Lương Văn H mua chung (có dạng hình tứ giác) giáp Quốc lộ 6, thuộc địa phận bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đo thực tế tại thực địa có diện tích là 209,4 m², tứ cận: Phía Bắc giáp đất hai gia đình

bà Lò Thị inh và ông Lò Văn C dài 15,35m; phía Nam giáp đất đường dân sinh dài 15,3m; phía Đông giáp đất anh Lương Văn H mua riêng dài 12,5m; phía Tây giáp đất hành lang giao thông Quốc lộ 6 dài 14,4m, trị giá: 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*).

+ Diện tích đất anh Lương Văn H mua riêng (có dạng hình tứ giác) ở phía sau diện tích đất chị C anh H đã mua chung, thuộc địa phận bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đo thực tế tại thực địa có diện tích là 99,24 m², tứ cận: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Lò Văn C 8,45m; phía Nam giáp đất đường dân sinh dài 8,49m; phía Đông giáp đất ông Lò Văn S dài 11,06m; phía Tây giáp đất chị C, anh H mua chung dài 12,5m.

(*Có Sơ đồ hiện trạng thửa đất, đo ngày 29/6/2018 kèm theo*).

- Đất ruộng: Diện tích 250 m², thửa số 504 diện theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359/QSDĐ tháng 11/1995 của UBND huyện T cấp cho hộ gia đình ông Lương Văn H, trị giá: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

=> Tổng giá trị tài sản chia cho anh H là: 818.200.000đ (*tám trăm mười tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

Anh Lương Văn H có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đối với diện tích đất được tạm giao.

2.3. Nợ chung, nợ cho vay: Chị Lò Thị C, anh Lương Văn H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Lương Văn H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 3.000.000 (*ba triệu đồng*). Anh H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.5. Về án phí: Chị Lò Thị C, anh Lương Văn H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Q;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(**đã ký**)

Nguyễn Việt Hương